

*Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026***BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026****PHẦN A. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2025****I. Thực hiện nhiệm vụ quản trị và điều hành của HĐQT và Ban TGD**

- HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ của PVI, Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2025 và tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện các nghị quyết HĐQT
- Công tác quản trị doanh nghiệp: PVI liên tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, trong đó: Xây dựng và điều chỉnh hệ thống các quy trình quy chế hoạt động, quản lý, quản trị một cách đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị rủi ro; Tăng cường giám sát, rà soát, điều chỉnh bộ máy điều hành; Chú trọng chỉ đạo và triển khai công tác kiểm tra giám sát định kỳ và thường xuyên tại các công ty con.
- Công tác kiểm toán nội bộ: Ban KTNB đã tuân thủ quy chế hoạt động của KTNB, bám sát và hoàn thành kế hoạch hoạt động đã được HĐQT phê duyệt. Sau mỗi cuộc kiểm toán, KTNB đều có kiến nghị để các đơn vị hoàn thiện quy định nội bộ, công tác tuân thủ, cơ chế kinh doanh và tài chính kế toán, giám sát các đơn vị thực hiện các kiến nghị tại các biên bản kiểm toán.

Ban KTNB đã thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định. Ngoài các hoạt động kiểm tra nói trên, trong năm 2025, Ban KTNB đã tư vấn cho HĐQT sửa đổi bổ sung, Quy trình Kiểm toán nội bộ phù hợp với tình hình quản trị tại PVI; đã thực hiện rà soát và đóng góp ý kiến trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản Quy chế, Quy định của HĐQT. Hoàn thiện công tác kiểm toán nội bộ trong toàn hệ thống đảm bảo thông suốt & thống nhất công tác Kiểm toán nội bộ theo chiều dọc.

- Công tác pháp chế, tuân thủ và quản trị rủi ro: PVI đã triển khai và liên tục cập nhật Hệ thống Quản trị rủi ro doanh nghiệp và Kiểm soát tuân thủ tại PVI (ERM) để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2025, PVI đã ban hành và áp dụng các cập nhật quy chế, quy định về tuân thủ và quản trị rủi ro tại PVI và các công ty con. Ngoài ra đối với các rủi ro cụ thể, công ty cũng đã triển khai bổ sung các biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện và ứng phó rủi ro.

PVI đã đáp ứng toàn bộ các yêu cầu mới về quản trị doanh nghiệp đối với hoạt động quản trị rủi ro của Luật kinh doanh Bảo hiểm sửa đổi số 139/2025/QH15 được áp dụng từ 01/07/2026 và tuân thủ các văn bản hướng dẫn ban hành theo đó. PVI đã áp dụng các mô hình tính vốn dựa trên rủi ro theo thông lệ Châu Âu cũng như các công cụ, mô hình đo lường rủi ro vào hoạt động quản trị rủi ro của Công ty.

Song song với đó, việc thực hiện chức năng Pháp chế và Tuân thủ cũng được đẩy mạnh và nâng cao. Việc áp dụng các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro tuân thủ được đẩy mạnh, tăng cường kiểm soát của bộ phận tuân thủ, pháp chế trong các giao dịch hàng ngày ... đã góp phần nâng cao văn hóa tuân thủ, tính minh bạch và đảm bảo hoạt động kinh doanh của PVI đúng quy định của Pháp luật.

- Hoạt động CNTT liên tục được đổi mới. Trong năm 2025 PVI đã triển khai mạnh mẽ công tác chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản trị, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của hệ thống và đáp ứng xu thế phát triển.

II. Kết quả thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của PVI đã phản ánh đầy đủ, chính xác các mặt hoạt động và kết quả kinh doanh trong năm 2025.
- PVI đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2025.

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
I	Tổng doanh thu	21.437	28.923	135%
II	Lợi nhuận trước thuế	1.090	1.460	134%
III	Lợi nhuận sau thuế	869	1.152	132%
IV	Nộp ngân sách NN	1.007	1.494	148%

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2025 của PVI đạt **28.923 tỷ đồng**, hoàn thành **135%** kế hoạch năm 2025, trong đó: Doanh thu hoạt động bảo hiểm: **27.115 tỷ đồng**, hoàn thành **136%** KH. Doanh thu hoạt động tài chính, cho thuê VP và khác: **1.808 tỷ đồng**, hoàn thành **136%** KH năm 2025.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: **1.460 tỷ đồng**, hoàn thành **134%** kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế đạt: **1.152 tỷ đồng**, hoàn thành **132%** kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước đạt **1.494 tỷ đồng**, hoàn thành **148%** kế hoạch.

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
I	Tổng doanh thu	1.176	1.161	99%
II	Lợi nhuận trước thuế	786	826	105%
III	Lợi nhuận sau thuế	774	806	104%
IV	Nộp ngân sách NN	50	76	152%
V	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến (%)	28,5%	33%	116%

- Tổng doanh thu đạt **1.161 tỷ đồng**, hoàn thành **99%** kế hoạch năm 2025;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **826 tỷ đồng**, hoàn thành **105%** kế hoạch năm 2025;
- Lợi nhuận sau thuế đạt **806 tỷ đồng**, hoàn thành **104%** kế hoạch năm 2025;

Năm 2025, PVI hoàn thành kế hoạch Lợi nhuận phần lớn là từ hoạt động đầu tư tài chính. Với kết quả này, HĐQT PVI trình ĐHCĐ tỷ lệ chi trả cổ tức là 33% cho năm 2025, cao hơn tỷ lệ 28,5% được ĐHCĐ giao.

III. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

BKS đánh giá PVI đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

BKS xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất của PVI được lập tại ngày 31/12/2025 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PVI cũng đã được kiểm toán bởi công ty TNHH PwC Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần và được công bố theo đúng quy định.

1. Đối với BCTC Công ty mẹ:

1.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu chính:

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN (VND)				NGUỒN VỐN (VND)			
Diễn giải	31/12/2024	31/12/2025	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2024	31/12/2025	So sánh (%)
A. Tài sản NH	263.586	554.218	210%	A. Nợ phải trả	551.163	336.071	61%
1. Tiền và TĐ tiền	35.875	270.826	755%	1. Nợ ngắn hạn	343.063	135.291	39%
2. Đầu tư TCNH	90.878	233.176	257%	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	35.669	39.673	111%
3. Phải thu ngắn hạn	117.501	29.750	25%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	20.143	6.454	32%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(372)	(471)	127%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	18.780	14.248	76%
5. Hàng tồn kho	618	912	148%	1.4 .Phải trả ngắn hạn khác	12.904	9.855	76%
7. TS NH khác	18.713	19.553	104%	2. Nợ dài hạn	208.100	200.780	96%
				3. Vay ngắn hạn	200.000	-	0%
B. Tài sản Dài hạn	7.453.343	7.006.446	94%	B. Vốn Chủ SH	7.165.766	7.224.592	101%
1. Tài sản cố định	98.376	115.205	117%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2.342.419	2.342.419	100%
2. BĐS Đầu tư	869.121	805.810		2. Thặng dư vốn cổ phần	3.716.659	3.716.659	100%
3. Đầu tư tài chính DH	6.459.105	6.052.703	94%	3. Quỹ đầu tư phát triển	179.212	179.212	100%

4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(39.411)	(38.541)	98%	4. Lợi nhuận chưa phân phối	927.476	986.303	106%
5. Phải thu dài hạn	10	85	850%	4.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	178.350	180.625	101%
6. Tài sản dài hạn khác	26.731	32.644	122%	4.2. LNST chưa PP kỳ này	749.126	805.678	108%
Tổng tài sản	7.716.929	7.560.664	98%	Tổng nguồn vốn	7.716.929	7.560.664	98%

- Tại ngày 31/12/2025, Tổng tài sản công ty mẹ là 7.561 tỷ đồng, giảm 156 tỷ đồng (2%) so với thời điểm 31/12/2024. Trong năm 2025, trên BCTC có sự tăng mạnh của Tiền & tương đương tiền do chuẩn bị sẵn nguồn lực để tăng vốn góp cho Bảo hiểm PVI.
- Cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 1,62 lần. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,05 lần.

b. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,07	0,04
2	Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,08	0,05
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,37	3,73
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	0,77	4,10
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	14,00	22,50
6	ROE (%)	10,1%	10,8%
7	ROA (%)	9,8%	10,5%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	68%	69%

- Các chỉ số về nợ phải trả đã được nâng cao so với cuối năm 2024, do PVI giảm sử dụng vốn vay, tăng mức độ tự chủ tài chính. Rủi ro tài chính thấp hơn, cấu trúc vốn an toàn hơn.
- Khả năng thanh toán tổng quát (tổng tài sản/nợ phải trả) của công ty tăng mạnh (61%) so với năm 2024 chứng tỏ Tổng tài sản so với tổng nợ ở mức rất cao và còn tăng thêm, năng lực bảo đảm nghĩa vụ nợ mạnh, mức độ an toàn tài chính rất cao.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) tăng nhẹ ở mức 69% dù hệ thống bị ảnh hưởng bởi các cơn bão, lũ bất thường trong năm và sự sụt giảm của lãi suất chứng tỏ hiệu quả hoạt động kinh doanh, đầu tư đã được nâng cao.
- Các chỉ số ROE và ROA có tăng so với năm 2024 thể hiện sự tăng trưởng trong hiệu quả hoạt động kinh doanh, đầu tư.

1.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn, Tạm ứng và Đầu tư tài chính):

- Trong năm 2025, HĐQT PVI đã ban hành Nghị quyết số 33/NQ-PVI ngày 21/04/2025 thông qua việc sửa đổi Quy chế Đầu tư PVIAM, Nghị quyết số 73/NQ-PVI ngày 03/11/2025 về việc

sửa đổi và ban hành Quy chế Đầu tư PVI. Bên cạnh đó, UB Đầu tư ban hành các quyết định phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng đủ điều kiện thực hiện đầu tư tiền gửi năm 2025-2026, phê duyệt danh sách các công ty chứng khoán giao dịch với PVI, ban hành tiêu chí đầu tư, hạn mức đầu tư.... nhằm nâng cao hiệu quả công tác đầu tư và quản lý dòng tiền trước các diễn biến bất lợi của thị trường.

- Trong năm công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.
- Các khoản đầu tư tài chính đã tuân thủ theo đúng các quy định tại Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Đầu tư thể hiện ở việc đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng nằm trong danh sách được phê duyệt, tuân thủ các quy định về hạn mức, tỷ lệ phân bổ giữa các nhóm Ngân hàng...
- Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tại ngày 31/12/2025, số dư đầu tư tài chính dài hạn giảm khoảng 406 tỷ đồng chủ yếu do giải thể quỹ Đầu tư cơ hội PVI (POF) và góp vốn bổ sung vào công ty con (Bảo hiểm PVI).

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Tiền	35.875	245.826	209.951	585%
2. Các khoản tương đương tiền	-	25.000	25.000	-
3. Đầu tư tài chính ngắn hạn	90.878	233.176	142.299	157%
4. Đầu tư tài chính dài hạn	6.459.105	6.052.703	(406.403)	(6%)

b. Quản lý công nợ phải thu:

- Nợ phải thu tại 31/12/2025 là 30 tỷ đồng giảm 88 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu do giảm phải thu lợi nhuận chuyển về từ công ty con.
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi là 471 triệu đồng chủ yếu liên quan đến phải thu cho thuê văn phòng. Trong kỳ, công ty đã quản lý tốt các khoản công nợ phải thu.

c. Công tác xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:

Hội đồng kiểm kê tài sản của PVI được thành lập theo QĐ số 284/QĐ-PVI ngày 19/12/2025 đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của PVI khi phát sinh các tình huống trong việc kiểm kê tài sản công cụ dụng cụ tại ngày 31/12/2025.

d. Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình):

Trong năm, PVI đã tuân thủ và thực hiện đúng Quy định Quản lý tài sản theo Quyết định số 189/QĐ-PVI ngày 12/08/2025 của TGD về việc quản lý sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ của PVI.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch (Tăng/giảm)	Tỷ lệ
I. Tài sản cố định	98.376	115.205	16.829	17%
1. Tài sản cố định hữu hình	90.861	109.435	18.575	20%
<i>Nguyên giá</i>	262.241	303.457	41.216	16%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(171.380)	(194.021)	(22.641)	13%
2. Tài sản cố định vô hình	7.516	5.770	(1.746)	(23%)
<i>Nguyên giá</i>	17.597	21.747	4.150	24%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(10.082)	(15.977)	(5.896)	58%

	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch (Tăng/giảm)	Tỷ lệ
II. Bất động sản đầu tư	869.121	805.810	(63.311)	(7%)
<i>Nguyên giá</i>	1.252.882	1.212.400	(40.482)	(3%)
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(383.761)	(406.590)	(22.829)	6%

- BCTC riêng phản ánh Tài sản cố định tăng 17% và Bất động sản đầu tư giảm nhẹ 7% so với đầu kỳ tương ứng với giá trị trích khấu hao trong kỳ, đồng thời Công ty cũng thực hiện việc phân loại lại BĐS đầu tư sang TSCĐ tương ứng với phần sử dụng làm văn phòng của Công ty. Trong kỳ, công ty thực hiện mua sắm tài sản cố định hữu hình (phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng) và tài sản cố định vô hình (hoạt động công nghệ thông tin), đồng thời thực hiện thanh lý một số tài sản là thiết bị văn phòng đã hết khấu hao, hỏng không sửa chữa được và không còn sử dụng theo đúng quy định về quản lý tài sản và công cụ dụng cụ của PVI.
- Trong năm 2025, hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và Trung tâm Quản lý và Kinh doanh dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, chuyên môn hóa để tối ưu công tác kinh doanh văn phòng, quản lý tài sản cố định, cơ sở hạ tầng một cách chuyên nghiệp, đồng bộ với toàn hệ thống.

e. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Không có

f. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị góp vốn	% nắm giữ	Dự phòng đã trích	Cổ tức trả Cty Mẹ trong kỳ	Kết quả hoạt động SXKD	
					Tổng doanh thu / Thu nhập đã thực hiện	LNST/ LN ròng đã thực hiện
I. Công ty con	6.091					
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	4.320	100%		577	27.472	843
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	1.161	81,09%		144	3.071	240
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	47	61,96%		5	76	12
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	520	34,67%		43	165	139
Quỹ Đầu tư cơ hội PVI	0	0,00%		65		
II. Các khoản đầu tư khác	43,5					
Đầu tư vào đơn vị khác (PVR)	43,5		(39)			

Tính đến thời điểm báo cáo PVI đang tham gia đầu tư vào 5 Công ty/ Quỹ đầu tư với tổng giá trị góp vốn thực tế là 6.091 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư vào 4 Công ty/Quỹ đầu tư:

- + Tổng công ty bảo hiểm PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 100% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh 2025: Doanh thu đạt 27.472 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 843 tỷ đồng.
- + Tổng công ty cổ phần Tài bảo hiểm Hà Nội với tỷ lệ tham gia góp vốn 81,09% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2025: Doanh thu đạt 3.071 tỷ, Lợi nhuận sau thuế ước đạt 240 tỷ đồng.
- + Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI (PVIAM) với tỷ lệ tham gia góp vốn 61,96% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2025: Doanh thu đạt 76 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế ước đạt 12 tỷ đồng.
- + Quỹ đầu tư hạ tầng PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 34,67% vốn điều lệ, kết quả lợi nhuận 2025 của Quỹ PIF là 165 tỷ đồng.
- + Quỹ đầu tư cơ hội PVI đã giải thể vào tháng 10/2025 với kết quả lợi nhuận năm 2025 của Quỹ POF là 118 tỷ đồng.
- Đầu tư dài hạn khác tại Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội (PVR) với tổng mức đầu tư là 43,5 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2025, công ty đã trích lập dự phòng 38,5 tỷ.

g. Quản lý công nợ phải trả:

- Nợ phải trả tại 31/12/2025 là 336 tỷ đồng, giảm 215 tỷ đồng so với đầu kỳ, chủ yếu do PVI đã tất toán khoản vay ngắn hạn 200 tỷ đồng. Phải trả người bán chủ yếu liên quan đến các hợp đồng mua sắm, trang bị hệ thống công nghệ thông tin.
- Hệ số nợ phải trả/VCSH là 0,05 lần, giảm so với đầu kỳ (0,08 lần) cũng do nguyên nhân phân tích nêu trên.

h. Xử lý nợ xấu:

PVI vẫn đang tích cực đẩy mạnh việc thu hồi các khoản đầu tư cũ.

Đối với khoản đầu tư Trái phiếu Sông Đà Thăng Long: HĐQT PVI đã ban hành Nghị quyết số 92/NQ-PVI ngày 16/12/2025 để Phê duyệt phương án thu hồi khoản nợ trái phiếu SĐTL.

TGĐ PVI đã ký văn bản ủy quyền cho PVIAM là đại diện cho PVI trong việc theo dõi thu đòi công nợ (gốc và lãi) từ khoản đầu tư Trái phiếu Sông Đà Thăng Long, cũng như thay mặt PVI thực hiện các công việc có liên quan cần thiết khác như liên lạc làm việc, yêu cầu, gửi công văn... với đối tác và các cơ quan quản lý theo quy định.

Ngoài ra, TGĐ PVI cũng đã ban hành QĐ về việc thành lập Tổ quản lý nợ đã xử lý với nhiệm vụ quản lý, theo dõi, làm việc với khách hàng và đơn đốc thu đòi các khoản công nợ khác đang theo dõi ngoại bảng.

i. Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác: không có

j. Trích lập dự phòng:

- Công ty thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng theo quy định của Bộ tài chính và Quy chế Quản lý tài chính của công ty.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh giảm 37 tỷ đồng so với đầu kỳ.
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 38 tỷ đồng giảm gần 1 tỷ đồng so với đầu kỳ do tại thời điểm lập BCTC, giá thị trường của mã chứng khoán PVR biến động tăng.
- Dự phòng phải thu khó đòi 471 triệu đồng, tăng khoảng 99 triệu đồng so với đầu kỳ do tăng trích lập dự phòng phải thu các khách hàng cho thuê văn phòng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch		Tỷ lệ /vốn CSH
			Số tiền	Tỷ lệ	
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(37.086)	37.086	(100%)	0%
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(38.541)	(39.411)	870	(2%)	(0,53%)
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(471)	(372)	(100)	27%	(0,01%)
4. Dự phòng phải trả dài hạn	44	72	(28)	(40%)	0,00%

k. Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp/phải thu	Số đã thực nộp/ bù trừ	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.095	-	26.072	19.467	-	3.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.484	15.956	17.649	24.060	1.484	9.545
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.499	23.916	25.222	-	1.193
Thuế, phí phải nộp khác	-	325	6.040	7.851	1.486	-
Cộng	4.580	18.780	73.676	76.600	2.971	14.248

Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, không tồn tại các khoản nợ đọng nào. Năm 2025 số đã nộp NSNN là 76,6 tỷ đồng, đạt 152% so với kế hoạch năm (50 tỷ đồng).

l. Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:

- Thực hiện Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025, Công ty thực hiện trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 1,2% lợi nhuận sau thuế được phân phối xấp xỉ 9 tỷ đồng.
- Trong năm 2025, Công ty không thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2025 là 179 tỷ đồng, không thay đổi so với đầu kỳ. Toàn bộ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối đã được sử dụng để đầu tư vào các công ty con và các tài sản khác nhằm mục đích sinh lợi.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 31/12/2023	2,342	3,717	179	937	7,175
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	749	749
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9)	(9)

Chia cổ tức	-	-	-	(750)	(750)
Số dư tại 31/12/2024	2,342	3,717	179	927	7,165
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	806	806
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9)	(9)
Chia cổ tức	-	-	-	(738)	(738)
Số dư tại 31/12/2025	2,342	3,717	179	986	7,225

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2024	Năm 2025	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng	314.103	313.768	(335)	(0,1%)
2. Giá vốn hàng bán	197.905	193.474	(4.432)	(2,2%)
3. Lợi nhuận gộp	116.197	120.295	4.097	3,5%
4. Doanh thu tài chính	787.013	846.401	59.388	7,5%
5. Chi phí tài chính	13.140	13.435	294	2%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	119.976	128.095	8.119	6,7%
8. Thu nhập khác	1.622	1.257	(365)	(22,5%)
9. Chi phí khác	533	120	(413)	(77,5%)
10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	771.183	826.303	55.120	7,2%
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.057	17.649	(4.408)	(19,9%)
12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	2.976	2.976	-
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	749.126	805.678	56.552	7,6%

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 1.161 tỷ đồng bằng 105% so với cùng kỳ năm 2024 đạt 99% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 806 tỷ đồng, bằng 108% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 104% kế hoạch năm.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

2.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu tổng hợp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN (VND)				NGUỒN VỐN (VND)			
Diễn giải	31/12/2024	31/12/2025	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2024	31/12/2025	So sánh (%)
A. Tài sản NH	25.898.873	40.004.988	154 %	A. Nợ phải trả	23.600.567	35.978.228	152%
1. Tiền và TĐ tiền	388.793	1.012.811	261 %	1. Nợ ngắn hạn	23.493.028	35.908.496	153%
2. Đầu tư TCNH	9.641.948	13.358.503	139 %	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31.423	150.364	479%
3. Phải thu ngắn hạn	15.047.136	24.394.817	162 %	1.2. Phải trả NH người bán và khác	4.073.071	4.942.886	121%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(217.154)	(206.472)	95%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	170.046	185.349	109%
5. Hàng tồn kho	3.009	1.029	34%	1.4. Phải trả ngắn hạn khác	109.248	66.098	61%
6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	2. Nợ dài hạn	107.539	69.733	65%
7. TS NH khác	817.988	1.237.828	151 %	2.1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	70.231	33.295	47%
B. Tài sản Dài hạn	5.896.150	4.507.149	76%	B. Vốn Chủ SH	8.194.456	8.533.908	104%
1. Tài sản cố định	329.695	375.361	114 %	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2.342.419	2.342.419	100%
2. BĐS đầu tư	753.684	661.033	88%	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.716.659	3.716.659	100%
3. Đầu tư tài chính DH	4.687.830	3.349.046	71%	3. Quỹ đầu tư phát triển	179.212	179.212	100%
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(42.234)	(41.228)	98%	4. Lợi nhuận chưa phân phối	1.199.505	1.495.942	125%
5. Phải thu dài hạn	35.271	33.765	96%	4.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	383.349	444.919	116%
6. Tài sản dài hạn khác	89.466	87.462	98%	4.2. LNST chưa PP kỳ này	816.156	1.051.023	129%
				5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	359.589	349.927	97%
Tổng tài sản	31.795.023	44.512.137	140 %	Tổng nguồn vốn	31.795.023	44.512.137	140%

- Tại ngày 31/12/2025, Tổng tài sản hợp nhất là 44.512 tỷ đồng, tăng 12.717 tỷ đồng (40%) so với thời điểm 31/12/2024, chủ yếu do tăng các khoản: Tiền & tương đương Tiền, Đầu tư tài chính ngắn hạn và Phải thu ngắn hạn. Trong năm hệ thống cơ cấu lại danh mục đầu tư, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đầu tư, quản lý tốt và tối ưu dòng tiền cũng như thực hiện

các hợp đồng tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi và các giao dịch trái phiếu hiệu quả trong thời gian hợp lý.

- Cơ cấu Tài sản Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 1,11 lần.

c. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,74	0,81
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	2,88	4,23
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,43	0,40
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,10	1,11
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,35	1,24
6	ROE (%)	10,9%	13,8%
7	ROA (%)	3,0%	3,0%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu thuần (%)	9,7%	10,3%

- Các chỉ tiêu tài chính ở mức an toàn. Các chỉ số tài chính của đơn vị biến động nhẹ theo hướng phát triển bền vững: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tổng quát đều giảm nhẹ thể hiện công ty đã quản lý tốt dòng tiền để đối phó trước những diễn biến bất thường của thị trường.
- Khả năng sinh lời của công ty tốt thể hiện ở tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu đạt 10,3%, trong khi lãi suất tiền gửi thấp, lãi suất thị trường vốn tăng cao, nhiều biến động, hoạt động đầu tư gặp nhiều khó khăn (thị trường trái phiếu, bất động sản có nhiều biến động lớn).

2.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi, Tạm ứng và Đầu tư tài chính):

- Trong kỳ, công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.
- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm so với đầu kỳ, do đẩy mạnh việc đầu tư các khoản tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu.
- Các khoản Đầu tư tài chính (bao gồm đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn) theo giá gốc tăng 2.251 tỷ đồng so với đầu kỳ, chủ yếu do tăng các khoản đầu tư nắm giữ ngắn hạn 2.766 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 24%.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	388.793	1.012.811	624.018	161%
1. Tiền	316.238	862.311	546.073	173%
2. Các khoản tương đương tiền	72.555	150.500	77.945	107%
II. Đầu tư tài chính	14.359.461	16.694.441	2.334.980	16%
1. Chứng khoán kinh doanh	283.029	1.757.131	1.474.102	521%
2. Đầu tư nắm giữ ngắn hạn đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	9.396.005	11.601.537	2.205.532	23%

3. Đầu tư nắm giữ dài hạn đến ngày đáo hạn (dài hạn)	4.680.428	3.335.774	(1.344.654)	(29%)
--	-----------	-----------	-------------	-------

b. Công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Nợ ngắn hạn	23.493.028	35.908.495	12.415.467	53%
II. Nợ dài hạn	107.539	69.733	(37.806)	(35%)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	15.047.136	24.394.817	9.347.681	62%
IV. Các khoản phải thu dài hạn	35.271	33.765	(1.506)	(4%)

- Tổng nợ phải trả tại 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất là hơn 35.978 tỷ đồng tăng 52% so với đầu kỳ, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn là 12.415 tỷ đồng, tăng 53%
- Nợ phải thu tại 31/12/2025 là 24.427 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn tăng 62%
- Do đặc thù của ngành nghề kinh doanh Bảo hiểm và Tái bảo hiểm, công nợ phải thu – phải trả sẽ được thanh toán theo hình thức đối trừ, nên về tổng thể, công nợ của PVI tại BCTC hợp nhất chủ yếu là công nợ phải trả các đối tác, khách hàng.

c. Quản lý tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư):

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I Tài sản cố định	329.695	375.361	45.667	14%
1. Tài sản cố định hữu hình	271.395	325.812	54.418	20%
Nguyên giá	627.665	731.520	103.855	17%
Giá trị hao mòn lũy kế	(356.271)	(405.708)	(49.437)	14%
2. Tài sản cố định vô hình	58.300	49.549	(8.751)	(15%)
Nguyên giá	226.488	233.411	6.923	3%
Giá trị hao mòn lũy kế	(168.188)	(183.862)	(15.673)	9%
II. Bất động sản đầu tư	753.684	661.033	(92.651)	(12%)
Nguyên giá	1.105.607	1.005.589	(100.018)	(9%)
Giá trị hao mòn lũy kế	(351.923)	(344.556)	7.367	(2%)

- BCTC hợp nhất phản ánh Tài sản cố định tăng 45,6 tỷ đồng chủ yếu do đầu tư hạ tầng CNTT. Bất động sản đầu tư giảm 92,6 tỷ đồng so với đầu kỳ tương ứng với việc ghi nhận hao mòn lũy kế của các tòa nhà.

d. Các khoản trích lập dự phòng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch		Tỷ lệ/vốn
			Giá trị	%	

					Điều lệ
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(37.086)	(165)	36.921	(100%)	2%
2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(217.154)	(206.472)	10.682	(5%)	0%
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(42.234)	(41.228)	1.006	(2%)	0%
4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17.800.976	28.417.498	10.616.522	59%	452%
5. Dự phòng phải trả dài hạn	1.211	1.141	(70)	(6%)	0%

Dự phòng phải trả ngắn hạn tăng 10.616 tỷ đồng so với đầu kỳ chủ yếu do tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm là 8,6 tỷ (chiếm tỷ trọng 81%) vì trong năm phát sinh các tổn thất liên quan đến bão lũ.

e. Tình hình nộp ngân sách nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	3.095	74.078	1.268.486	1.265.177	-	74.292
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.484	69.226	299.788	301.760	1.484	67.254
Thuế, phí phải nộp khác	208	26.742	278.490	264.522	1.817	43.803
Cộng	4.788	170.046	1.846.764	1.831.459	3.301	185.349

Trong năm 2025, số phát sinh đã nộp NSNN hợp nhất là 1.481 tỷ đồng, đạt 143% so với kế hoạch (1.007 tỷ đồng) và đạt 103% so với cùng kỳ năm trước. Trong kỳ PVI không phát sinh các khoản nợ đọng về Thuế.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2024	Năm 2025	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng	20.398.424	27.319.153	6.920.729	34%
2. Doanh thu thuần bán hàng	7.741.869	9.545.738	1.803.869	23%
3. Giá vốn hàng bán	6.779.532	8.174.817	1.395.285	21%
4. Lợi nhuận gộp	962.337	1.370.921	408.585	42%
5. Doanh thu tài chính	1.320.878	1.411.375	90.497	7%
6. Chi phí tài chính	437.281	493.163	55.882	13%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	717.518	836.355	118.837	17%
8. Thu nhập khác	128.495	192.320	63.825	50%

9. Chi phí khác	123.890	185.429	61.540	50%
10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.133.021	1.459.669	326.648	29%
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	244.420	299.788	55.368	23%
12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.662)	7.773	10.435	(392%)
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	891.263	1.152.107	260.844	29%

- Trong năm 2025, tổng doanh thu hợp nhất đạt 27.923 tỷ đồng, trong đó: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 27.319 tỷ đồng (chiếm 94,5% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động tài chính đạt 1.411 tỷ đồng (chiếm 4,9% tổng doanh thu), doanh thu khác là 192 tỷ đồng.
- Tổng chi phí hợp nhất năm 2025 là 27.462 tỷ đồng, trong đó: các khoản giảm trừ doanh thu 17.773 tỷ đồng (bao gồm dự phòng phí và phí nhượng tái), giá vốn hàng bán là 8.175 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 836 tỷ đồng, chi phí hoạt động tài chính là 493 tỷ đồng và chi khác 185 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất đạt 1.460 tỷ đồng, tăng 327 tỷ đồng (xấp xỉ 29%) so với năm trước. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 1.152 tỷ đồng, tăng 260 tỷ đồng (29%) so với năm trước.

IV. Thẩm định Báo cáo hoạt động của HĐQT

- Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ các hoạt động quản trị doanh nghiệp của HĐQT trong năm 2025.
- HĐQT đã tổ chức thành công buổi họp ĐHCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 22/04/2025, tiến hành 04 phiên họp HĐQT vào các ngày 18/03/2025, 06/06/2025, 12/09/2025, 28/11/2025. Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 93 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 9 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của PVI và các đơn vị thành viên, chỉ đạo Ban điều hành PVI hoàn thành KHKD năm 2025 về chỉ tiêu lợi nhuận, triển khai tốt các hoạt động về tái cấu trúc, quản trị công ty và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế và chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương hiệu, khẳng định uy tín của PVI trên thị trường đảm bảo nguyên tắc phát triển Hiệu quả - Bền vững trên toàn hệ thống.
- Trong năm 2025, các Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) đã phát huy vai trò và tăng cường hiệu quả hoạt động. Các Ủy ban thuộc HĐQT họp định kỳ hàng quý trước các cuộc họp HĐQT và họp thường xuyên theo yêu cầu công việc để thực hiện tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các nội dung được trình HĐQT theo thẩm quyền. Các Ủy ban đã góp phần nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT trên toàn hệ thống PVI qua các hoạt động cụ thể như: xây dựng, hoàn thiện, ban hành và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh; rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế/ Quy định nội bộ; rà soát hiệu quả hoạt động đầu tư thông qua các Quỹ; kiện toàn nhân sự cấp cao...
- HĐQT PVI đã chỉ đạo hoàn thiện mô hình quản trị, rà soát các quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, theo đó HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành việc sửa đổi, cập nhật các Quy chế nội bộ: Quy chế Quản trị rủi ro, Quy chế Đầu tư, Quy chế Quản lý nhân sự, Quy chế chi trả lương thưởng PVI, Quy chế dân chủ ở cơ sở làm việc và thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động của Công ty... để sửa đổi, cập nhật phù hợp với hoạt động kinh doanh thường xuyên của hệ thống.

V. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với cổ đông, HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát duy trì sự phối hợp tốt với Cổ đông, HĐQT và Ban Điều hành. BKS và các thành viên HĐQT là đại diện cho các cổ đông PVN và HDI/FLL thường xuyên trao đổi thông tin để có được sự phối hợp tốt, đồng thuận giữa các cổ đông lớn đối với những dự án, chiến lược, chủ trương mang tính quyết định nhằm mang lại những lợi ích tối đa cho PVI.
- Ban BKS đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban Điều hành. Ban Điều hành và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của BKS.
- Đại diện HĐQT, Ban Điều hành và những cán bộ quản lý khác đã tham gia đầy đủ các cuộc họp BKS, trao đổi, thảo luận cùng các thành viên BKS để kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp đóng góp cho công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh.

VI. Báo cáo về công tác giám sát việc thực hiện báo cáo giao dịch của người có liên quan:

1. Giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá các giao dịch của người có liên quan:

Thực hiện quy định tại Khoản 4, Điều 290, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc đánh giá các giao dịch của người có liên quan, PVI đã xây dựng và ban hành Quy trình lập báo cáo và theo dõi các giao dịch của người có liên quan và Quy định quản lý giao dịch nội gián và báo cáo lợi ích liên quan của Công ty cổ phần PVI.

a. Việc xây dựng Quy định/Quy trình:

TGD PVI đã ban hành Quy trình lập báo cáo các lợi ích liên quan (QT.01.PCTT&QTRR) áp dụng từ ngày 15/09/2021 và thông báo yêu cầu áp dụng quy trình. Việc kê khai lợi ích liên quan lần đầu đã được thực hiện đầy đủ và các cá nhân có trách nhiệm cập nhật khi có thay đổi.

TGD PVI đã ban hành Quy định quản lý giao dịch nội gián và báo cáo lợi ích liên quan của Công ty cổ phần PVI theo Quyết định số 283/QĐ-PVI ngày 18/12/2025.

PVI đã áp dụng & thực hiện Quy chế phản ứng gian lận nội bộ áp dụng và Quy định quản lý giao dịch nội gián và báo cáo lợi ích liên quan áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị, giám sát.

Dự án Tuân thủ và Quản trị rủi ro (ERM) hoàn thiện là nền tảng để Ban Điều hành và HĐQT cùng BKS tiếp tục nâng cao công tác quản trị, giám sát của cá nhân/ đơn vị trong hệ thống.

b. Việc theo dõi thực hiện:

Việc theo dõi những cập nhật kê khai lợi ích liên quan do Ban Pháp chế Tuân thủ và Quản trị rủi ro trực tiếp thực hiện, hàng quý đều có báo cáo BKS tình hình thực hiện trong quý.

c. Đánh giá của BKS:

PVI và các cá nhân liên quan cơ bản đã tuân thủ việc công bố thông tin về việc giao dịch và kết quả giao dịch. PVI đã xây dựng, sửa đổi và bổ sung thêm các Quy định/ Quy trình để phù hợp với hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp. Các báo cáo giám sát, quản trị rủi ro được thực hiện đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ Ban Kiểm soát nâng cao hơn vai trò giám sát.

2. Chi tiết giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của PVI:

STT		Quan hệ với	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2024	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025	Lý do tăng, giảm (mua, bán)
-----	--	-------------	--	--	-----------------------------

	Người thực hiện giao dịch	người nội bộ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Funderburk Lighthouse Limited	Cổ đông lớn	29.535.195	12,61%	29.555.195	12,62%	Đầu tư

3. Chi tiết giao dịch đối với các bên có liên quan

Giao dịch giữa PVI, các công ty con của PVI đối với các bên liên quan trong năm 2025 chi tiết như sau:

➤ Đối với Công ty mẹ PVI Holdings:

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	107.554.679.331
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội	5.597.573.376
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	2.418.056.141

➤ Đối với hệ thống PVI bao gồm Công ty mẹ và các công ty con:

- Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: 1.960.427.117.983 VNĐ.
- Các giao dịch khác với các bên liên quan: 730.127.062.215 VNĐ.

(Chi tiết về các giao dịch đã được trình bày tại Báo cáo tài chính kiểm toán số HAN 4235 ngày 15/02/2026 của Công ty TNHH PwC Việt Nam).

Ngoài ra, trong năm 2025 không phát sinh giao dịch giữa PVI, các công ty con của PVI với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người Điều hành khác của doanh nghiệp và các cá nhân là người có liên quan của những đối tượng đó.

PHẦN B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

BKS PVI hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS PVI. BKS tổ chức họp định kỳ hàng quý giữa các thành viên với nội dung: (i) Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước; (ii) Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban điều hành và các cán bộ liên quan; (iii) Thống nhất những ý kiến đánh giá, kiến nghị với PVI; và (iv) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS.

BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ban kiểm toán nội bộ, xây dựng kế hoạch và nội dung kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

➤ Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2025 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Điều hành. Tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.

- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Kiểm tra việc thực hiện Người đại diện PVI tại các công ty thành viên các Quy chế của PVI.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch hàng quý; Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý.
- Giám sát việc thực hiện báo cáo giao dịch của người có liên quan.
- Giám sát thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trong kỳ và tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của Đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng của nhà nước, đơn vị chức năng có thẩm quyền.

Ban kiểm soát gồm có 04 kiểm soát viên, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách làm Trưởng ban và 3 kiểm soát viên kiêm nhiệm. Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung và thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2025. Cụ thể như sau:

- Trưởng ban kiểm soát – Bà Hà Lan: Chủ trì và ký các báo cáo trình HĐQT; Chủ trì các cuộc họp BKS và ký các văn bản kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành và các bộ phận liên quan; Phê duyệt kế hoạch và chương trình họp, chương trình kiểm tra giám sát năm và quý và trực tiếp phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện kiểm tra giám sát; Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các quy chế và quy định nội bộ. Kiểm tra, đánh giá các báo cáo và việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện của PVI làm công tác kiểm tra giám sát tại công ty con. Phối hợp với thành viên khác thực hiện phân tích và thẩm định báo cáo tài chính quý và năm. Giám sát việc xây dựng và triển khai các dự án về Quản trị rủi ro; Kế toán; Rà soát các hợp đồng giao dịch với người có liên quan thuộc quyền phê duyệt của HĐQT và HĐQT. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên và tổng hợp các ý kiến thảo luận trong BKS; Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Hội đồng quản trị và họp chuyên đề; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Lê Tài Đức: Tổng hợp báo cáo từ người đại diện tại các công ty con định kỳ hoặc đột xuất theo chương trình của BKS; Báo cáo đánh giá về hoạt động đầu tư và công tác tuân thủ; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Trần Trọng Bình: Rà soát quy chế quy định nội bộ và các nghị quyết HĐQT; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm- Ông Daryl John Vella: Rà soát Báo cáo tài chính; Phân tích các chỉ tiêu tài chính và đánh giá việc ghi chép sổ sách kế toán; Đánh giá công tác kiểm toán nội bộ, tuân thủ và quản trị rủi ro trong toàn hệ thống; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.

BKS đã tổ chức 4 phiên họp vào ngày 14/03/2025, 28/05/2025, 09/09/2025, 25/11/2025, đồng thời tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo tài chính và các báo cáo các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con trong suốt quá trình hoạt động, kinh doanh, theo dõi sát báo cáo của các công ty con tại các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng/ hàng quý và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của BKS sau mỗi kỳ họp BKS và ý kiến tại các cuộc họp chuyên đề. Việc thực hiện được cụ thể hóa bằng các Nghị quyết HĐQT, Kết luận các cuộc họp Ủy ban, Chỉ thị của TGD và văn bản báo cáo của người đại diện tại các công ty con.

Chi tiết các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Hà Lan	4/4	100%	100%
2	Ông Trần Trọng Bình	4/4	100%	100%
3	Ông Daryl John Vella	4/4	100%	100%
4	Ông Lê Tài Đức	4/4	100%	100%

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đã tổng hợp các ý kiến của các thành viên để thống nhất ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục kịp thời các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

➤ **Thù lao và chi phí hoạt động của BKS:**

Trong năm 2025 PVI đã chi trả thù lao cho 4 thành viên BKS trong đó có 1 thành viên chuyên trách và 3 thành viên kiêm nhiệm, bao gồm 12 tháng lương + 03 tháng lương bổ sung theo Quy chế trả lương (không bao gồm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2025), tổng cộng là: 2.765.000.000 đồng. Chi tiết tiền lương và thù lao như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao
1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	2.405
2	Ông Lê Tài Đức	TV BKS kiêm nhiệm	120
3	Ông Daryl John Vella	TV BKS kiêm nhiệm	120
4	Ông Trần Trọng Bình	TV BKS kiêm nhiệm	120

+ Ngoài ra, trong năm 2025, thành viên BKS được nhận thêm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2025 (đã hạch toán chi phí trong năm 2025) là 2.320.232.293 đồng.

+ Thành viên BKS chuyên trách được tham gia chương trình bảo hiểm phúc lợi theo các mức đối với từng chức danh, nguồn chi từ chi phí của PVI với thời hạn chương trình 10 năm.

+ Các chi phí hoạt động của BKS trong năm được thực hiện theo đúng quy chế, quy định của PVI

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
1	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Thường xuyên
2	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.	Thường xuyên
3	Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt.	Thường xuyên
II	Nhiệm vụ định kỳ	
1	Lập báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện.	Tháng 2/2026
2	Phối hợp làm việc với Chủ nhiệm UBKT & QTRR PVI, Kế toán trưởng PVI hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật để lựa chọn Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính 2026 của PVI, trình Đại hội cổ đông thường niên 2026 phê duyệt.	Tháng 1/2026
3	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý I
4	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Quý II và Quý 4
5	Tổ chức họp Ban Kiểm soát PVI.	Hàng quý/ Bất thường
6	Rà soát, đánh giá về giao dịch có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	Q3/2026 & Q1/2027
7	Giám sát việc triển khai xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro của PVI Holdings và các công ty con.	Hàng Quý

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
8	Kiểm tra/giám sát hoạt động của PVI tại các Công ty con và việc bảo toàn vốn của PVI tại các Công ty này.	Hàng Quý
9	Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo theo quy định, trong đó:	Hàng Quý
	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025;	Tháng 2
	Thực hiện Thẩm định Báo cáo tài chính Quý; bán niên năm 2026.	Tháng 4, 7, 10
10	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; tình hình thực hiện KH SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Hàng Quý
11	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị;	Khi có yêu cầu
12	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng Quý
13	Lập báo cáo giám sát hàng quý và các báo cáo khác theo yêu cầu của cổ đông lớn và cơ quan quản lý nhà nước	Tháng 1, 4, 7, 10/theo yêu cầu
14	Giám sát việc xây dựng, giao KH SXKD năm 2027, việc thực hiện chiến lược phát triển của PVI.	Quý IV
15	Làm việc với tư vấn độc lập khi phát sinh nhu cầu sử dụng tư vấn bên ngoài của BKS PVI.	Khi có yêu cầu
16	Rà soát tính hợp lý, hợp lệ của các hợp đồng, dịch vụ thuê ngoài.	Khi có yêu cầu
17	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị.	Theo Kế hoạch kiểm kê

Nhân sự thực hiện các nội dung công việc nêu trên theo phân công của Trưởng ban kiểm soát.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Hà Lan